

Dấu ấn sông nước trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở Thừa Thiên Huế: Nghiên cứu trường hợp nghi lễ “Thành”

Nguyễn Hữu Phúc

Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế

Email liên hệ: thienphuc2509history@gmail.com

Tóm tắt: Cùng với nền văn minh lúa nước, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, người Việt đã tạo lập nên những phong tục tập quán, nghi lễ, lễ hội gắn liền với dòng sông, con nước. Trong đó, hệ thống các vị thần mang dấu ấn sông nước xuất hiện khá thường xuyên và phổ biến trong đời sống cộng đồng cư dân địa phương. Tục thờ Mẫu của người Huế là một ví dụ điển hình cho loại hình tín ngưỡng này. Trong hệ thống các lễ nghi thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ của người Huế, nghi lễ “Thành” là một trong những nghi lễ đặc trưng với mục đích cầu bình an cho người phụ nữ. Nghiên cứu này tập trung phân tích để làm sáng tỏ về nghi lễ cúng Thành của người Huế. Từ đó, bài viết rút ra những nét đặc sắc, độc đáo trong văn hóa sông nước của người Huế cũng như nét đặc trưng của thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu của người Huế so với các địa phương khác trong nước.

Từ khóa: Thừa Thiên Huế, lễ cúng “Thành”, văn hóa sông nước, thờ Mẫu

Elements of “rivers and water” in Mother Goddess worship in Thua Thien Hue - A case study of “Thanh” ritual

Abstract: Vietnamese people created their customs, rituals, and festivals that were closely associated with rivers and water besides their wet rice civilization and aquaculture. Water deities are common and popular in the local community’s life. Mother-Goddess worship by Hue people is a typical example of the belief. Out of rituals and practices of Mother Goddess worship of the Four Palaces by Hue people, “Thành” rite is one of the outstanding rituals aimed at praying for peace to women. The article focuses on analyzing “Thành” ritual by Hue people, thereby, discussing unique features on the Hue’s distinctive culture and their Mother Goddess worship.

Keywords: Thua Thien Hue, “Thanh” ritual, element of water as a cultural feature, Mother Goddess worship

Ngày nhận bài: 09/07/2021

Ngày duyệt đăng: 15/11/2021

1. Đặt vấn đề

Trong dòng chảy văn hóa Huế, tục thờ Mẫu Tứ phủ và Chư vị có nguồn gốc từ thờ Mẫu Vân Hương (Liễu Hạnh công chúa) của miền Bắc và được “cung đình hoá”, “điển chế hóa” khi Nữ thần Thiên Y A Na chính thức trở thành vị Thánh Mẫu tối thượng trong tín ngưỡng thờ Mẫu được triều Nguyễn công nhận, đặc biệt từ thời vua Đồng Khánh. Từ đó về sau, tín ngưỡng thờ Mẫu đã phát triển một cách nhanh chóng với quy mô rộng lớn, khắp các tỉnh miền Trung, mà Huế là trung tâm.

Trên cơ sở của sự giao hòa giữa yếu tố Đạo giáo và tục thờ Mẫu lâu đời của người Việt, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế đã phát triển theo một nhịp độ nhất định và tạo nên những màu sắc riêng biệt. Trong đó, yếu tố Thủy giữ vai trò quan trọng vì liên quan đến đặc điểm sinh kế,

đời sống của cư dân. Với quan niệm sinh mệnh người phụ nữ do “số mạng Thiên tào, căn vu Thủy giới”, vì lẽ đó, mà lễ “Thành” hay lễ cúng “Thành căn” được xem là nghi thức cầu an của người Huế, đặc biệt chỉ dành riêng của người phụ nữ. Các thầy pháp, thầy phù thủy là những người có thể đứng ra để thực hiện nghi lễ liên quan đến yếu tố Thủy nhằm mang lại bình an, sức khỏe, hạnh phúc, may mắn, sự che chở trong cuộc sống.

Tuy nhiên, với sự tác động của những thành tựu từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự ảnh hưởng trong văn hóa thờ Mẫu từ miền Bắc mà văn hóa thờ Mẫu ở Thừa Thiên Huế đã có sự thay đổi ít nhiều so với những thế hệ đi trước. Trong phạm vi nghiên cứu, bài viết sẽ tập trung phân tích vai trò yếu tố sông nước trong tín ngưỡng thờ Mẫu được thể hiện qua nguồn gốc, thực hành nghi lễ, đồ cúng, đồ mã của nghi lễ cúng Thành. Qua đó nhấn mạnh nét đặc trưng văn hóa cũng như hướng đến mục tiêu bảo tồn, phát huy các giá trị của tục thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế.

2. Sinh thái sông nước và tín ngưỡng dân gian xứ Huế

Trải qua quá trình tiếp xúc lâu dài và thích ứng với những đổi thay thường xuyên của sông nước đã hình thành nền văn hóa sông nước trong tâm thức của người Việt. Cũng nói thêm rằng, chính sự tác động qua lại giữa tự nhiên và con người được coi là nhân tố chính tạo nên đặc trưng văn hóa. Từ cách nhìn nhận như thế này quy chiếu đối với Huế, ta dễ dàng nhận thấy văn hóa Huế cũng được tạo tác từ yếu tố sinh thái, đặc biệt là sông nước. Trần Quốc Vượng (2015, tr. 405-406) nhận định: “*Có một xứ Huế. Nhưng cũng có 3 vùng – miền hợp thành xứ Huế:*

+ *Một vùng Huế núi – đồi: Và người Huế khéo tạo cảnh nơi đây – từ tự nhiên thành văn hóa (man made Environmen, - môi sinh nhân văn) là khu lăng tẩm đế vương. Đây là một khu hành hương và du lịch của xứ Huế mến yêu, mà ai chưa một lần đến đó thì còn ân hận cả đời...*

+ *Một vùng Huế cồn bãi đồi bờ Hương Giang cùng các nhánh sông Bạch Yến, An Cựu, Kim Long (nay đã bị lấp nhiều) mà hệ quy chiếu chính thống là Hoàng cung – Đại nội bên tả ngạn và một dải phố xá – trường học – cơ quan bên hữu ngạn. Còn hệ quy chiếu cũ xưa là thành Lôi – Long Thọ và hệ quy chiếu dân gian là chợ Đông Ba...*

+ *Một vùng Huế đầm – phá, với những phá Tam Giang, Hà Trung, Cầu Hai... và những cửa Eo cũ, cửa Thuận, cửa Tư Hiền ngày xưa và hôm nay, nơi đã và đang phát triển hệ nuôi tôm với sự trợ giúp của Ôxtrâyliá...*

Cả ba vùng xứ Huế đó được nối kết với dòng Hương và bởi con người xứ Huế”.

Như vậy, Thừa Thiên Huế là một vùng đất rất đa dạng các hệ sinh thái với đầy đủ các dạng địa hình từ núi cao đến biển khơi: rừng núi – đồng bằng – đầm phá – vùng biển. Các hệ sinh thái này đã trực tiếp tác động đến sự phát triển lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội của các cộng đồng dân cư trong suốt mấy nghìn năm trước đó và trên 700 năm Thuận Hóa – Phú Xuân – Huế.

Mỗi hệ sinh thái đều có vai trò nhất định đối với sự sống, hoạt động kinh tế cũng như các thiết chế văn hóa của người Huế. Hệ sinh thái ven biển Thừa Thiên Huế trải dài trên 100km, với nhiều bãi biển nổi tiếng như Lăng Cô, Cảnh Dương, Chân Mây, Thuận An, các bãi ngang Quảng Điền, Phong Điền đã tạo ra hoạt động kinh tế đánh bắt thủy hải sản sôi nổi. Bên cạnh nghề biển, cộng đồng cư dân ven biển còn làm kinh tế với những nghề truyền thống liên quan đến nông nghiệp. Từ đó tạo nên một nền văn hóa miền duyên hải đặc trưng riêng có của vùng đất cố đô. Một trong những đặc trưng khác biệt là tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng, mặc dù “tiên khai canh” thờ thần có công truyền dạy nghề chài lưới, nhưng “hậu khai khẩn” lại thờ thần xuất thân từ nghề nông, mà trong các lễ hội cầu ngư còn có nghi lễ cầu mưa là ví

dự điển hình. Hay hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai (lớn nhất Đông Nam Á), chính môi trường nước lợ với đa dạng sinh học thủy hải sản đã hình thành nên một cộng đồng dân cư vùng sông nước không giống nơi khác, vừa là nông dân nhưng cũng vừa ngư dân.

Còn hệ sinh thái đồng bằng ở Thừa Thiên Huế gắn liền với nghề làm nông chuyên canh, mà nguồn phù sa màu mỡ được bồi đắp hàng năm đều do các con sông lớn như sông Hương, sông Ô Lâu, sông Bồ,... Tuy nhiên, người nông dân với đặc tính vừa tận dụng thời gian nhàn nông để phát triển các nghề thủ công truyền thống. Vì vậy, tại các vùng đồng bằng còn xuất hiện rất nhiều làng nghề nổi tiếng như: làng Sinh (thôn Lại Ân, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang) vẽ tranh dân gian, làng Thanh Tiên (xã Phú Mậu, huyện Phú Vang) làm hoa giấy, làng Phước Tích (xã Phong Hòa, huyện Phong Điền) làm đồ gốm,... Như vậy, môi trường sông nước từ các hệ sinh thái vừa tác nhân duy trì sự sống, tạo dựng hoạt động sinh kế cho người dân nhưng cũng là yếu tố chính làm nên nét đặc trưng văn hóa Huế

Gắn liền với vùng sông nước, cư dân nghề cá, đặc biệt là đánh bắt thủy hải sản gần, xa bờ cũng vất vả, nhọc nhằn không kém người nông dân, đôi khi là còn nguy hiểm đến tính mạng con người. Phương tiện di chuyển chủ yếu là ghe nan, thuyền gỗ với ngư cụ cũng chỉ là những sản phẩm thủ công hết sức thô sơ. Sóng gió ngoài biển lại bất thường, phương tiện kĩ thuật thời trước dự báo lại không chính xác nên chỉ có kinh nghiệm dân gian giúp họ tránh khỏi những hiểm nguy nơi biển cả. Vì thế, người dân còn tin tưởng vào sự cầu cúng chân thành với thần biển, thần Cá Ông và chư thần miền thủy giới cứu giúp. Mặc dù, ngày nay những dự báo thời tiết khá chính xác từ các phương tiện thông tin đại chúng nhưng trong tâm thức của ngư dân họ vẫn có niềm tin tâm linh từ việc tổ chức hoạt động cầu ngư, thờ Cá Ông, lễ hạ thủy (lễ cúng thuyền mới), lễ cúng tết thuyền và ngư cụ, ... vào các dịp hàng năm (Hồ Đăng Thanh Ngọc, 2020, tr. 93-94).

Đối với cư dân vạn đò, khác với cộng đồng cư dân trên đất liền, cuộc sống của họ lênh đênh trên mặt nước và phụ thuộc nhiều vào tự nhiên nên trong đời sống của họ có nhiều kiêng kỵ: “Khi gió bão, làm ăn không thuận lợi, cư dân sửa soạn đĩa hoa quả và thắp nhang lên bàn thờ tổ tiên, bàn thờ thủy thần để cầu mong Bà Thủy phù hộ cho tai qua nạn khỏi, gặp nhiều may mắn; Không được gọi tên các thần linh một cách vô cớ, như con rái cá thì người ta gọi là Ông Rái; Kiêng người lạ lên thuyền, trên thuyền không được bước qua dây, ngư cụ đánh bắt cá như khai thác cát sạn; Kiêng phụ nữ mang thai lên thuyền, hay thăm người phụ nữ vừa mới sinh con hay hư thai lên thuyền vì lo sợ những điều không may mắn, bất trắc trong quá trình làm nghề (Nguyễn Mạnh Hà, 2019, tr. 219).

Cũng giống như các ngư dân, người nông dân tại các vùng đồng bằng ngoài việc dựa vào kinh nghiệm để tạo mùa màng bội thu thì họ còn nhờ vào yếu tố tâm linh. Ngoài việc thờ các vị thần bảo trợ nông nghiệp như: Thần Nông, Viêm Đế, Thổ cốc chi thần, Tả Xã hữu Tắc tôn thần, Hậu Tắc Câu Mang tôn thần, Chủ thủy hạn tôn thần, Chủ lòi công, Điện mẫu tôn thần, Chủ Phong bá, Vũ sư tông thần, Chủ hoàng trùng, Tước thủ tôn thần, Chủ ngũ sắc minh trùng tôn thần, Ngũ phương điển trang, thiên mạch, câu hác chư xứ thần kỳ; người dân còn tôn thờ các vị thần cai quản miền sông nước như Long cung Quảng Vận đại vương, Đại Càn quốc gia Nam hải tứ vị thánh nương, Đại Càn quốc gia Nam hải lang thát nhị đại tướng quân, Nam hải cự tộc ngọc lân tôn thần, Thủy tinh Long nữ chân tiên,... (Trần Đại Vinh, 1995, tr. 111-112).

Như vậy, trong diễn trình hình thành và phát triển văn hóa Huế, yếu tố sông nước có vai trò quan trọng không những ảnh hưởng đối với vùng đồng bằng mà còn vùng ven biển. Chính yếu tố sông nước đã tạo ra chất kết dính giữa con người với thế giới tự nhiên được bền chặt, từ đó, thúc đẩy ý thức giáo dục bảo vệ môi trường nước khi mà vấn đề biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường đang là vấn đề cần giải quyết cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

3. Dấu ấn sông nước trong tín ngưỡng thờ mẫu xứ Huế

3.1. Cõi Thủy phủ và hệ thống thần linh

Khác với tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Bắc tuy cũng được gọi là Tứ phủ, nhưng quan niệm về bốn cõi lại khác với miền Trung. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, khởi đầu, loại hình tín ngưỡng này được gọi là Tam phủ (Thiên phủ, Địa phủ, Thủy phủ), về sau có thêm Nhạc phủ và tương ứng với mỗi phủ lại có một vị Thánh Mẫu cai quản (1) Nhưng do quan niệm Mẫu Địa đồng nhất với Mẫu Liễu Hạnh hay Mẫu Liễu Hạnh đồng nhất với Mẫu Thượng Thiên để từ Tứ phủ - tín ngưỡng này lại trở thành Tam phủ (Nguyễn Hữu Thông, 2001: 108). Như vậy, tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế hay còn được gọi là Đạo Tứ phủ bởi trên trục của không gian bốn cõi theo quan niệm của tín đồ đó là: Thượng Thiên, Trung Thiên, Thượng Ngàn và Thủy Phủ. *"Tiên, thánh, thần bốn cõi đó đều liên kết nhau chi phối cõi người. Mỗi cõi đều có quyền lực như một triều đình: có đế vương, có thánh mẫu, có chư tiên, có các hoàng tử, công chúa, có khâm sai, giám sát, các vị quận chúa, cô châu (triều quận, triều cô), có quan quan võ, như ngũ lôi, linh quan, ngũ hổ đại tướng, và âm binh bộ hạ"* (Trần Đại Vinh, 2017, tr. 8).

Trong cấu trúc điện thờ, ban thờ Thủy phủ thường được thiết kế nằm dưới hoặc nằm riêng với ban thờ Trung Thiên và đối diện với Hội đồng Thiên triều. Ở một số đền, điện, am, cảnh ở Huế, ban thờ Thủy phủ có khi được thiết lập ở một nơi riêng, có quy mô lớn như ban thờ Hội đồng Thủy phủ tại điện Huệ Nam, ban thờ Thánh Mẫu Thủy Cung và Nhị vị Quan Lớn cai quản miền sông nước ở Điện Mẹ Năm (Sơn Chúa điện),...

Xét theo văn sơ cầu cúng của tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế, hệ thống thần điện cõi Thủy phủ được phân lập như sau:

- Thủy phủ chúa Động Đình Bắc Hải Đế Quân (Vua Cha Bát Hải Động Đình).
- Thủy phủ Long Cung Thánh Mẫu.
- Đệ Tứ Đức Châu Khâm Sai Thánh Bà.
- Thủy giới Long Cung chư vị thánh bà.
- Tam vị Phụ quốc Trạng nguyên tôn ông.
- Thập vị thủy tể tôn ông (cũng gọi 10 ông Hoàng).
- Ngũ phủ ngũ vị Xích lân hoàng tử.
- Ngũ phương duyên lộ Hà Bá thủy quan.
- Bạch Ngọc hồ trung Thủy Tinh công chúa (Cô Ba Thủy phủ) (Trần Đại Vinh, 2017, tr. 10).

3.2. Đạo giáo và nghi lễ liên quan đến cõi thủy phủ

Sự tiếp nhận các vì thần, các phương thuật cầu cúng, hành lễ của đạo sĩ, pháp sư như lên đồng, trị bệnh bằng bùa chú trong Đạo giáo, cũng là quá trình bản địa hóa tín ngưỡng thờ Mẫu, trong đó "lễ Thành" là minh chứng cụ thể. Về nguồn gốc nghi lễ, hiện có nhiều quan điểm đánh giá khác nhau, điều này có thể tiếp cận ở góc độ từ Đạo giáo là có nguồn gốc từ một điển tích xuất phát từ Trung Quốc mà cụ thể là trong Đạo giáo. Theo quan niệm của Đạo giáo cho rằng sinh mệnh người phụ nữ do hai yếu tố cơ bản chi phối: căn và mạng. Mạng do Thiên tào quyết định, nhưng căn lại cho Thủy phủ tác động.

Lí giải nguyên nhân vì sao chỉ người phụ nữ cúng "lễ Thánh", tác giả đã có sự khảo sát một số văn bản hát văn và một số lời kể của các cung văn, đồng đền như sau: Vào khoảng thế kỉ XIII, ở tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc, một người lái buôn tên là Nguyễn Bá Quang vốn có một người vợ trẻ đẹp. Một hoàng tử ở Thủy giới vì mến sắc đẹp và tính nết của người này nên đã hóa thân thành một chàng trai khôi ngô, tuấn tú dan díu với người đàn bà này, rồi hạ sinh một

người con trai, đặt tên là Nguyễn Bá Linh. Lớn lên, Linh làm nghề phù thủy, nhưng lại có tính dâm tà. Khi giặc Nguyên – Mông sang xâm lược nước ta, y đã theo sang nước ta và dùng tà thuật bắt người phụ nữ và quấy phá. Trần Hưng Đạo sau khi bắt được Linh đã chém và ném xác xuống sông. Linh hồn Linh trở về Thủy giới, cầu khẩn vua cha. Long vương thương con, dùng phép thuật biến Linh thành ba con quỷ dữ, cho trở lại quấy phá dân Việt, chuyên trêu ghẹo đàn bà, con gái. Đó là ba con tà Phạm Nhan, Phạm Điệt và Phạm Nghinh. Nên cứ ba năm một lần, họ phải cúng “lễ Thành” để cầu được sự bình an trong cuộc sống.

Khi Nguyễn Bá Linh bị chặt và ném xuống sông, có một vợ chồng già sống bằng nghề chài lưới đã vớt được xác lên bờ và làm lễ mai táng. Để nhớ công ơn của họ, sau khi về Thủy giới, Nguyễn Bá Linh đã cầu xin Long vương cho họ thành tiên và chở mọi lễ vật của trần gian về nạp kho thủy giới. Từ đó, trong “lễ Thành” đều có hầu đồng Quan Đốc Binh về nạp kho (2). Tuy nhiên, đây chưa thể xem điển tích Phạm Nhan là nguồn gốc của lễ “Thành” mà nói đúng hơn đây là cách nhằm hợp thức hóa vai trò của Đạo giáo đối với tín ngưỡng này.

Nhìn từ góc độ tâm lý học, đây là nghi lễ nhằm cầu sự bình an, che chở đối với những người phụ nữ. Ban đầu, nghi lễ này xuất phát từ những cư dân vạn đò, làm nghề chài lưới và sống lênh đênh trên sông nước, luôn đối diện với sự nguy hiểm do đuối nước. Với sức khỏe dẻo dai, người đàn ông thường đảm trách công việc chèo lái, còn người phụ nữ yếu đuối hơn nên thường gánh vác những công việc nội trợ, chăm sóc gia đình, do đó, họ thường trực trong mình tâm lý sợ hãi trên sông nước. Vì lẽ đó, mà họ thường xuyên phải dâng cúng các vị thần sông và phải thể các hình nhân xuống nước để giữ tính mạng mình (phần này có thể gọi là lễ chuộc mạng). Dần dần, nghi lễ này lan rộng và được nhiều người khác tiếp nhận và nâng tầm thành một nghi lễ trang trọng được thực hiện trong các đền, phủ thờ Mẫu và được biết đến với tên gọi là lễ Thành. Chữ Thành có nghĩa là sự thành tâm cầu nguyện để được bình an và đôi khi cũng được gọi là “Thành căn” cũng mang ý nghĩa tương tự như vậy.

Cũng theo sự lý giải từ các tín đồ của Thánh Mẫu, Quan Đệ Tam Thủy Phủ là người được nhận lệnh của Vua Mẫu để cai quản, giám sát, điều hành mọi công việc ở Thủy giới, nên Ngài có nhiệm vụ nhận phần lễ Thành. Trong văn chầu Quan Đệ Tam Thủy phủ có đoạn sau:

“Dù ai vương lấy bóng Ngài,
Năm ba sắc mặt, mỗi ngày đổi thay.
Bệnh làm khi tỉnh khi say,
Khi nói càng, khi nói khôn ngoan.
Biết ra mà chẳng đảo cầu,
Lo bẻ thang thuốc, bệnh đau có lành.

Và nếu biết cúng lễ Thành, người phụ nữ sẽ được:

“Phép nhiệm màu, ông ban đôi chén,
Tắm thần phù, Ông chuyển phép linh.
Uống vào bệnh nặng khương ninh,
Mỹ lan thanh chúc, đành rằng dâng lên”
(Văn Quan lớn Đệ Tam Thủy Phủ)

4. Dấu ấn sông nước trong nghi lễ Thành

4.1. Về lễ vật cúng

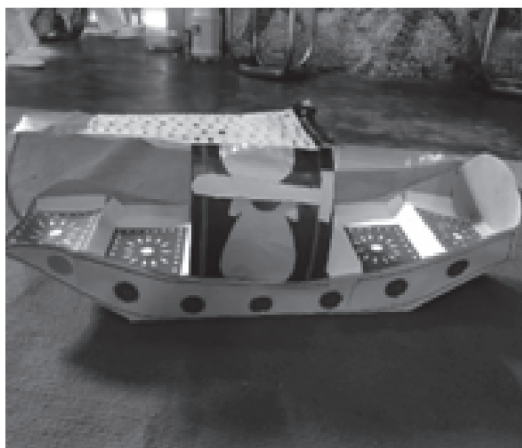
Phần vật cúng: ngoài vật dâng cúng trái cây, hoa, thì còn có một con gà được luộc chín, bát xôi đặt trên bàn thượng (bàn trên), 12 chiếc nem và trứng (3), 4 con cua (3 con chín, 1 con

còn sống), 12 miếng cau trâu, một cái giò heo được luộc chín và mâm cơm, cùng áo cháo, gạo muối dâng cúng chư vị âm binh, các quan được đặt ở bàn hạ (bàn dưới). Một vật lễ không thể thiếu cho “lễ Thành” đó là những chén suôn với ý nghĩa là luôn được suôn sẻ, thành công mọi việc, món này được nấu từ thịt và có thêm những sợi bún.

Phần đồ mã (đồ giấy): 3 con hình nhân (1 con được cúng để chuộc mạng tại ngã ba sông và 2 con được cúng tại bàn lễ Thành), các tờ tranh sính lễ (bộ Thành lệ) như: Tam tầng lầu, Cửu Trùng Đài, 1 tờ tranh lốt chúa Thủy phủ, tranh lốt 5 vị hoàng tử, tranh lốt 3 vị Phạm Nhan, Phạm Diệt và Phạm Nghinh, 8 tranh thờ Bát âm, 1 giá bốn mạng, 1 tranh voi ngựa, nhà cửa thuyền bè và tranh ông Đốc chèo thuyền. Tất cả sau khi cúng phải thù hóa để gửi về Thủy phủ. Ngày nay, nhiều người có điều kiện, họ không cúng bằng tranh vẽ nữa mà thay vào đó là các đồ mã được mô phỏng như dạng thật.

Vì nghi lễ “Thành” cúng về cõi Thủy Phủ, nên họ sẽ dâng cúng các chiếc thuyền tương ứng với các vị Thánh ở cõi này như sau: Ngự Châu (đầu thuyền là hình rồng, xung quanh thuyền có treo các cờ lệnh, kết hoa, trên thuyền còn có trống và chiêng) sẽ dâng cúng Hội đồng Tứ phủ (do Quan Lớn Đệ Nhị Thượng Thiên chứng); Phụng Châu (đầu thuyền là hình con phụng, xung quanh cũng được kết hoa, treo cờ lệnh, lọng) sẽ dâng cúng Mẫu Thủy Cung (nếu tiểu lễ thì Thánh Bà Đệ Tứ Thủy Cung về nhận, còn đại lễ sẽ do Đức Từ Dụ Tiên Nương chứng); Long Châu có hình dạng giống như Ngự Châu nhưng kích thước nhỏ hơn được dâng cúng Ngà Đệ Tam Thủy Phủ (trường hợp tiểu lễ thì Đệ Tam Thủy Phủ về nhận, còn đại lễ sẽ do Thái Tử Đông Cung về chứng). Và chiếc Bồng Câu sẽ dâng cúng cho Quan Đệ Tam Thủy phủ. Ngoài ra còn có thuyền của Ông Đốc Binh về chở lễ Thành để nạp kho Thủy phủ, Thuyền của 12 Cậu Ngoại, thuyền của 12 Cô Ngoại (4).

Hình 1. Hình ảnh thuyền Quan Đốc Binh (Bên trái) và chiếc Phụng châu (bên phải)



Nguồn: Ảnh chụp ngày 3/4/2021, tại Sơn Cảnh Điện

4.2. Về thực hành nghi lễ

Thông thường, “lễ Thành” được thực hiện tại các ngôi điện, phủ, am, cảnh thờ Thánh Mẫu và Chư vị, có khi sẽ cúng trên những chiếc thuyền rồng nhưng trong thuyền được thiết trí các ban thờ như một ngôi đền thờ Mẫu. Hằng năm, cúng “lễ Thành” thường được tổ chức vào dịp đầu năm, tháng 2 (vì đây là tháng tiệc của Thánh Mẫu Thủy Cung – ngày 21-22 tháng 2 âm lịch) hoặc tháng 6 (tháng này cũng được xem là tháng tiệc Thủy phủ, vì Đản nhật của Quan Lớn Đệ Tam Thủy phủ là ngày 24 tháng 6 âm lịch) (5).

Hình 2. Hình ảnh bàn cúng lễ Thành và giá bốn mạng.



Nguồn: Ảnh chụp ngày 6/4/2021, tại Phước Tâm Cảnh Điện

4.3. Về quy trình cuộc lễ

Qua quá trình khảo sát tại một số đền, điện, am, cảnh ở Huế, “lễ Thành” được tổ chức theo đúng quy trình như sau:

- Lễ cúng Chuộc mạng (lễ Thực mạng): là lễ cúng được tổ chức tại ngã ba sông nhằm thế mạng một nữ hình nhân xuống sông nhằm thế mạng cho Thủy giới. Có thể nói, lễ cúng chuộc mạng hay lễ thực mạng là nghi lễ mang đậm dấu ấn văn hóa sông nước hết sức rõ nét, thể hiện sự mong cầu bình an đối với yếu tố Thủy. Người ta quan niệm rằng, nếu thế thắm một hình nhân xuống sông nước thì mạng sống của con người sẽ được kéo dài, do đó thần thủy sẽ không phải bắt bớ họ. Do đó, một lễ vật không thể thiếu trong lễ cúng này đó là một hình nhân nữ mang áo màu xanh để họ thả xuống sông nước. Lễ này thường cúng trước một ngày trên thuyền, có thả phóng sanh các loại cá, ốc xuống nước và thả đèn hoa đăng.

- Lễ khai kinh và bạch cáo với Hội đồng Tứ phủ và tuyên đọc chúc văn (sớ) lên chư vị để cầu nguyện.

- Cúng lễ Thành và khai quan điểm nhân các hình nhân. Hai phần lễ này do các pháp sư hoặc sư thầy thực hiện.

- Ban cung văn cung tiến văn cúng Hội đồng.

- Hầu đồng chứng lễ

Sau những nghi lễ trên, chủ lễ (Đồng đền, Thủ am) sẽ cung thỉnh chư Tiên Thánh về chứng minh thông qua hoạt động “Lên đồng”/Hầu Thánh. Trình tự một giá đồng có thể chia thành các bước: Thánh giáng, nhập đồng thông qua việc “xoay khăn” phủ diện, sau khi đã được thánh nhập thì thanh đồng sẽ làm lễ bái và dâng cau trầu trước điện thần Tứ phủ. Tiếp theo, thanh đồng sẽ “múa đồng” mà người Huế gọi là “làm việc quan” với nhiều điệu múa như múa kiếm, múa thanh long đao, múa cặp song chùy, múa hèo của các nam thần, quan lớn; múa quạt, múa mỗi, múa hoa, chèo thuyền,... rất mềm mại, duyên dáng của các Thánh Bà, các Tiên Cô. Tùy theo sự hóa thân các vị thần mà người hầu đồng sẽ thực hiện các động tác múa cho phù hợp. Sau khi đã múa đồng xong, thanh đồng nhập vai đó sẽ uống rượu, uống nước suối, ăn cau trầu và phát lộc cho những người đến dự tiệc Thánh. Riêng đối với nghi thức hầu chứng đàn, thanh đồng sẽ thực hiện thêm phần việc chứng sớ điệp, ban bố các lệnh điệp treo ở các ban thờ, ký nhận đồ mã dâng lên. Kết thúc mỗi giá đồng thì người hầu đồng sẽ phủ lại khăn phủ diện, lúc này người cung văn sẽ hát “xe loan thánh giá hồi cung” (Nguyễn Hữu Phúc, 2020, tr. 10-11).

Điểm khác biệt so với hầu đồng theo nghi thức Tam phủ ở miền Bắc là trong quá trình thực hiện lên đồng, thanh đồng phải đứng để xoay khăn phủ điện (vì hầu theo lối thiên tiên), thanh đồng phải mang trang phục hầu Thánh rồi mới được vào sân chầu, chứ không được phép thay áo, mặc áo, đóng khăn trước ban Công đồng, vì cho rằng sẽ mất đi tính trang nghiêm và lỗi phép Thánh.

Hầu "lễ Thành", thanh đồng sẽ thực hiện các giá đồng như sau: đầu tiên là thỉnh mời Ngài Thủ Điện hoặc Thủ Đền (Vị Thánh quản lí đền) lên kiểm tra, giám sát cuộc lễ để chuẩn bị cho các tôn giá lớn về chứng giám. Sau đó, chủ lễ sẽ mời Quan lớn Đệ Nhị Thượng Thiên, trong trang phục áo gấm vàng thêu hình rồng nổi, tay áo rộng kiểu lễ phục Thiên triều, hia đỏ mũi nhọn, tay cầm thanh long đao. Khi Ngài về đồng sẽ làm phép tẩy uế và chứng sớ Hội đồng. Giá đồng thứ ba mà chủ lễ sẽ thỉnh là Quan Đệ Tam Giám Sát Thượng Thiên kiêm tri Tam phủ. Ngài là một võ tướng và quan tiên phong trong tín ngưỡng thờ Mẫu, được Vua Mẫu ban tặng dây thần thông ba thước. Lễ phục của Ngài cũng giống như Quan Đệ Nhị Thượng Thiên chỉ khác là sắc phục màu đỏ. Dây thần thông được vắt chéo từ cổ xuống, tay cầm thanh long đao dây oai phong, uy nghi. Nhiệm vụ của Ngài là về giám sát, trấn và phát binh để mọi việc trong buổi lễ được diễn ra một cách thuận lợi. Tiếp theo là Bà Tam Động Hỏa Phong Thần Nữ sẽ soi sáng bản đền và chứng sớ Trung Thiên. Sắc phục của Thánh Bà là áo dài đỏ được thêu hình phụng nổi, cổ đeo chuỗi hạt ngọc. Lúc Bà ngự đồng tay cầm bó đuốc tượng trưng cho ánh sáng, nghĩa là soi sáng. Mặc dù là những vị Thánh này không thuộc cõi Thủy phủ nhưng trong nghi lễ Thành bắt buộc phải cung rước, bởi vì, đây là các vị Thánh đại diện của Hội đồng Thiên triều về chứng lễ, nếu nghi lễ nào mà thiếu họ thì coi như chưa có chứng minh của Mẫu, hội đồng Thiên triều.

Vì đây là lễ dâng cúng các vị thần linh ở cõi Thủy phủ, nên các vị Thánh thuộc cõi Thủy phủ mới được nhận lễ (thông thường là các y phục, các chiếc thuyền bằng đồ mã). Trong tất cả các vị Thánh trong hệ thống linh Tứ phủ, chỉ có Thánh Bà Đệ Tứ Thủy Cung, Quan Đệ Tam Thủy Phủ và Quan Đốc Binh là những vị Thánh thuộc cõi Thủy phủ lên chứng và nhận lễ của người phụ nữ trong lễ Thành. Đại diện cho cõi Thủy lên giúp người phụ nữ có được sự bình an, sức khỏe là Thánh Bà Đệ Tứ Thủy Cung đây là vị Thánh Bà cai quản miền Thủy giới, khi về đồng Bà mang áo dài vàng có thêu phụng nổi. Bà về sẽ xoay chuyển giá bốn mạng (6) cho người phụ nữ, chải tóc, ban nước phép cho người phụ nữ. Vì mang tính chất cầu an, nên người tham gia không có sự phân biệt là đã làm tội của Thánh (7) hay là một tín đồ của một tôn giáo nào khác. Nếu đã làm tội phụng sự Thánh thì khi chuyển giá bốn mạng họ chỉ đặt cái giá trên lòng bàn tay, còn người nào mà chưa làm tội thì sẽ đội giá bốn mạng ở trên đầu.

Một giá đồng không thể thiếu trong buổi lễ Thành là Quan Đệ Tam Thủy phủ, khi về đồng Quan mang sắc phục áo vàng hoặc xanh ngọc thêu rồng, tay cầm cặp song chùy, vô cùng oanh liệt. Vì là Người cai quản các người phụ nữ, nên "lễ Thành" mà không được Quan chứng giám, coi như lễ bất thành. Sau cùng là giá ông Đốc Binh, trong trang phục áo the hoặc chữ Thọ, được thừa lệnh của Quan Đệ Tam Thủy phủ thu nạp và chở lễ vật nạp kho. Sau phần đồng đền/thủ am hầu lễ "chứng đàn", người phụ nữ dâng cúng sẽ thực hiện nghi lễ hầu đồng để tạ ơn Thánh đã phù hộ, nghi lễ này được gọi là "hầu vui". Trình tự các giá hầu vui cũng giống như hầu chứng đàn, chỉ không có giá Quan Đốc Binh và không thực hiện các phần lễ như người chứng đàn thực hiện và quy trình hầu vui được thực hiện bắt đầu là các Thánh thuộc hàng Thánh Bà, sau đó mới đến Quan lớn, Ông Hoàng, các Cậu, các Cô,...

Trong quá trình thực hiện nghi lễ lên đồng thì vai trò của hát văn là rất quan trọng, giúp người hầu đồng đạt đến sự thăng hoa và sáng tạo trong các điệu múa bóng. Âm nhạc trong hát văn gắn liền với thể loại âm nhạc thính phòng, có sự quy định nghiêm ngặt về cách thức

trình diễn, về cấu trúc, về kĩ thuật thanh nhạc. Với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế, văn châu hay được gọi là kinh văn, với ý nghĩa rằng đây là lời kinh răn dạy của Thánh Mẫu. “*Cách gọi đó đã bao hàm một ý niệm đầy tôn trọng, đầy thành kính với văn châu, khi đó, văn châu không còn là những bản văn để nói về chư tiên liệt thánh mà đã trở thành lời kinh – kinh văn thật sự*” (Nguyễn Đình Đính, 2018, tr. 69).

Hình 3. Hình ảnh Bà Đệ Tứ Thủy Cung chuyển giá bốn mạng cho người phụ nữ (bên trái) và Quan Đốc Binh về nhận lễ (bên phải)



Nguồn: Ảnh chụp ngày 6/4/2021, tại Phước Tâm Cảnh Điện

5. Kết luận

Trong quan niệm của tín đồ thờ Mẫu ở Huế, cõi Thủy phủ đóng vai trò quan trọng trong hệ thống Tứ phủ. Từ khi tục thờ Mẫu từ đất Bắc lan truyền đến vùng đất Cố đô, tín ngưỡng này đã có sự kết hợp một cách nhuần nhuyễn với Đạo giáo, trong đó yếu tố Thủy có vai trò quan trọng vì liên quan đến đặc điểm sinh kế, đời sống của cư dân. Có thể nói, thông qua phương thức cầu cúng, hầu đồng của các thầy phù thủy được thực hiện qua “lễ Thành” đã phần nào thể hiện vai trò yếu tố sông nước đến sự sống của con người, đặc biệt là giới nữ.

“Lễ Thành” là một trong những nghi lễ mang đậm dấu ấn và bản sắc văn hóa Huế, tuy là một nghi lễ trong tín ngưỡng truyền thống ở Huế nhưng lại có khuynh hướng lan rộng ra ở một số tỉnh miền Trung, với mục đích cầu bình an cho người phụ nữ. Trải qua thời gian, những bản sắc cùng giá trị văn hóa độc đáo của nghi “lễ Thành” đã góp phần tạo nên sự đa dạng cho bức tranh thờ Mẫu ở Huế. Đồng thời, hướng đến ý thức trân trọng, bảo vệ môi trường nước, môi trường sinh thái của cộng đồng cư dân. Từ đó, thế hệ trẻ những người theo tín ngưỡng thờ Mẫu phải có trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống mà thế hệ bao đời đã dày công xây dựng để ngày hôm nay trở thành một niềm tự hào đối với Huế - thành phố di sản.

Chú thích:

(1) Mẫu Thượng Thiên (Mẫu Đệ Nhất cai quản miền trời), Mẫu Thượng Ngàn (Mẫu Đệ Nhị cai quản miền núi, Mẫu Thoải (Mẫu Đệ Tam cai quản miền sông nước) và Mẫu Địa (Mẫu Đệ Tứ cai quản miền đất đai).

(2). Phòng văn cung văn Hùng tại điện Huệ Nam, ngày 13/4/2021.

(3) Nếu là lần đầu tiên người phụ nữ cúng lễ Thành, họ phải xin vía. Vì thế, dưới con gà mái ở bàn thượng người ta sẽ để 3 quả trứng sống, 5 quả trứng chín (tám sanh ngũ tử).

(4) Phỏng vấn đồng Na tại điện Huệ Nam, ngày 20/4/2021.

(5) Phỏng vấn đồng Thành tại đền Sơn Cảnh điện, ngày 25/5/2021.

(6) Giá Bồn mạng là một vật có hình dạng như một ngôi bảo tháp ba tầng, có cổng tam quan. Giá Bồn mạng là vật thiêng đại diện cõi Thủy phủ.

(7) Những người có căn theo hầu Thành sẽ phải làm lễ Trình Đồng lễ Quy Y Thánh Mẫu, họ được gọi là thanh đồng.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Đình Đính (2018). “Dấu ấn tư tưởng Phật giáo trong 2 bản văn “Tam bảo” và “Hội đồng” của tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế”. In trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Phật giáo với tín ngưỡng thờ Mẫu ở Việt Nam*, Sóc Sơn.

Nguyễn Mạnh Hà (2019). “Tín ngưỡng và tín ngưỡng thờ Bà Thủy: Bối cảnh thay đổi của cư dân ven đò trên sông Hương (Huế, Việt Nam)”. In trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: Văn hóa sông nước ở Đông Nam Á bảo tồn và phát triển*. Nxb Đại học Cần Thơ.

Hồ Đăng Thanh Ngọc (2020). “Phát triển du lịch trên cơ sở phát huy giá trị văn hóa và môi trường sinh thái Huế”. In trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa Huế trong tiến trình xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc trung ương*, Thừa Thiên Huế.

Nguyễn Hữu Phúc (2010). *Văn bản châu văn Huế*. Bản chép tay, Huế.

Nguyễn Hữu Phúc (2020). Nghi lễ Khai bàn trong thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu ở Huế qua khảo sát tại điện Huệ Nam. *Tạp chí Huế Xưa và Nay*, số 157.

Nguyễn Hữu Phúc (2020). “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ ở Huế - bản sắc và những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hiện nay”. In trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Văn hóa Huế: Nhận diện giá trị bản sắc và hướng phát triển*, Thừa Thiên Huế.

Trần Đại Vinh (1995). *Tín ngưỡng dân gian Huế*. Nxb Thuận Hóa, Huế.

Trần Đại Vinh (2017). Tín ngưỡng thờ Mẫu và Chư vị ở Thừa Thiên Huế. *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1.

Trần Quốc Vượng (2015). *Việt Nam cái nhìn địa - văn hóa*. Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.